

Số: 239 /KL-STNMT

Đắk Nông, ngày 29 tháng 01 năm 2021

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng đất trồng lúa
tại UBND huyện Cư Jút

Thực hiện Quyết định số 1417/QĐ-STNMT, ngày 17/9/2020 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng đất trồng lúa tại UBND các huyện Cư Jút, Krông Nô và Đắk Mil (*gọi tắt là Đoàn Thanh tra số 1417*). Từ ngày 06/10/2020 đến ngày 09/10/2020, Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra các hoạt động tại UBND huyện Cư Jút.

Xét Báo cáo của Trưởng đoàn thanh tra về kết quả thanh tra công tác quản lý, sử dụng đất trồng lúa tại UBND huyện Cư Jút, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường kết luận thanh tra như sau:

I. Khái quát chung

1. Điều kiện tự nhiên

Huyện Cư Jút (*gọi tắt là huyện*) cách trung tâm tỉnh lỵ thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông khoảng 106 km về phía Đông Bắc, có tổng diện tích tự nhiên tính tới ngày 31/12/2019 là: 72.077,02 ha với 08 đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn gồm các xã Tâm Thắng, Nam Dong, Ea Pô, Đắk Wil, Đắk Drông, Cư Knia Trúc Sơn và thị trấn Ea T'ling; dân số trên 99.316 người, với 20 dân tộc, trong đó dân tộc kinh chiếm 50,8% dân số của huyện; đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 49,2% dân số của huyện.

Phía Đông giáp với thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Phía Tây giáp với huyện Pechr Chenda, tỉnh Mondulkiri, Vương quốc Campuchia;

Phía Nam giáp với huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông;

Phía Bắc giáp với huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

2. Về kinh tế - xã hội

Tăng trưởng kinh tế đạt 9,3% (*KH 9%*), đạt 104%*KH*. Trong đó: giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng cơ bản tăng 12% (*KH 11%*); giá trị thương mại dịch vụ tăng 10% (*KH 10%*); giá trị nông lâm nghiệp tăng 6% trở lên (*KH 6%*). Thu nhập bình quân đầu người đạt 40 triệu đồng/người/năm (*KH 39 triệu đồng*).

Cơ cấu kinh tế: Cơ cấu kinh tế theo hướng Công nghiệp - Xây dựng, Thương mại - Dịch vụ, Nông - Lâm nghiệp, trong đó: Tỷ trọng ngành công nghiệp xây dựng cơ bản chiếm 37%, thương mại dịch vụ chiếm 36%, Nông lâm nghiệp chiếm 27% (*tỷ trọng ngành chăn nuôi chiếm 20% trong tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp*), đạt 100% *KH*.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 258.946 triệu đồng, đạt 91%KH (*trong đó: Thuế và phí do huyện quản lý 47.250 triệu đồng, đạt 105%KH*); tổng chi ngân sách địa phương (*kể cả chi Ngân sách xã*): 388.981 triệu đồng, đạt 105%KH.

3. Về diện tích tự nhiên

Tổng diện tích tự nhiên tính tới ngày 31/12/2019 là: 72.077,02 ha, trong đó:

- Diện tích đất nông nghiệp 66,876.39 ha, chiếm 92.78 %.
- + Đất trồng cây hàng năm: 9.616,45 ha.
- + Đất trồng lúa: 3.088,53 ha.
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 6.527,92 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm: 19.905,45 ha.
- + Đất rừng sản xuất: 32.358,99 ha.
- + Đất rừng phòng hộ: 2.371,57 ha.
- Diện tích đất phi nông nghiệp 5,059.72 ha, chiếm 7.02 %.
- Diện tích đất chưa sử dụng 140.93 ha, chiếm 0.2 %.

II. Kết quả thanh tra

1. Việc lập, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa

1.1. Việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa hàng năm

Về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa hàng năm đã tích hợp trong điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện. Về trình tự, thủ tục lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, UBND huyện đã thực hiện đảm bảo theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (*gọi tắt là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014*); Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các văn bản có liên quan; Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Qua kiểm tra cho thấy: Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa được thể hiện cụ thể trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện và được phân bổ chi tiết cho từng xã; diện tích đất trồng lúa được thể hiện trên bản đồ điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện.

Về việc lập danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn huyện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013: Trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2020,

trên địa bàn huyện triển khai thực hiện 01 dự án sử dụng đất vào mục đích phi nông nghiệp từ đất trồng lúa nước 01 vụ (LUK).

1.2. Tính thống nhất của các chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa, chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất khác

- Ngày 06/5/2014, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 654/QĐ-UBND về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm đầu kỳ của huyện. Trong đó chỉ tiêu đất lúa nước được phân bổ như sau: Đến năm 2020 diện tích đất lúa trên địa bàn huyện là 2.948,08 ha (*trong đó đất chuyên trồng lúa nước là 1.707,18 ha*);

- Ngày 13/02/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 196/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020. Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, trong đó phân bổ chỉ tiêu như sau:

+ Hiện trạng đến năm 2015: Diện tích đất trồng lúa là 3.107,3 ha (*trong đó đất chuyên trồng lúa nước là 1.194 ha*), diện tích đất chuyên trồng lúa nước giảm 513,18 ha so với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 phê duyệt tại Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 06/5/2014.

+ Chỉ tiêu phân bổ cho diện tích đất trồng lúa đến năm 2020 là 3.104,3 ha (*trong đó đất chuyên trồng lúa nước là 1.792,5 ha*), diện tích đất chuyên trồng lúa nước tăng 598,5 ha so với diện tích thống kê hiện trạng sử dụng đất năm 2015.

Qua kiểm tra cho thấy: Chỉ tiêu phân bổ cho diện tích đất trồng lúa cấp huyện xác định đến năm 2020 là 3.037,5 ha (*trong đó đất chuyên trồng lúa nước là 1.354,28 ha*), diện tích đất chuyên trồng lúa nước giảm 438,22 ha so với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tại Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 13/02/2019. Theo báo cáo về việc quản lý sử dụng đất trồng lúa của huyện, diện tích đất chuyên trồng lúa cấp huyện xác định thấp hơn chỉ tiêu phân bổ diện tích đất chuyên trồng lúa cấp tỉnh 438,22 ha do các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện có nâng cấp nhưng không đủ nước tưới cho diện tích đất chuyên trồng lúa theo chỉ tiêu đã được phân bổ.

2. Việc xác định ranh giới, diện tích đất chuyên trồng lúa

2.1. Việc xác định diện tích, ranh giới đất trồng lúa trên bản đồ địa chính và ngoài thực địa

Ngày 05/6/2015, UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số 802/QĐ-UBND về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật – Dự toán đo đạc lập lưới địa chính, cắm mốc ranh giới quy hoạch sử dụng đất khu vực trên địa bàn các huyện: Cư Jút, Krông Nô, Đắk Mil, Đắk Glong, Đắk Song, Tuy Đức, Đắk R'lấp tỉnh Đắk Nông.

Ngày 24/6/2015, UBND Đắk Nông ban hành Công văn số 2867/UBND-NN về việc thi công công trình đo đạc lập lưới địa chính, cắm mốc ranh giới quy hoạch sử dụng đất khu vực trồng lúa nước.

Ngày 29/6/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định 1427/QĐ-STNMT về việc đặt hàng đơn vị thực hiện đo đạc lập lưới địa chính, cắm mốc ranh giới quy hoạch sử dụng đất khu vực trồng lúa nước trên địa bàn

các huyện Cư Jút, Krông Nô, Đắk Mil, Đắk Glong, Đắk Song, Tuy Đức, Đắk R'lấp tỉnh Đắk Nông. Trong đó việc thực hiện đo đạc lập lưới địa chính, cắm mốc ranh giới quy hoạch sử dụng đất khu vực trồng lúa nước trên địa bàn huyện Cư Jút do Công ty Cổ phần Đo đạc và Bản đồ Sê Kông thực hiện.

Ngày 13/7/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Công văn số 1573/TN&MT-QHGD về việc triển khai thực hiện phương án cắm mốc ranh giới quy hoạch sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Việc thực hiện cắm mốc ranh giới quy hoạch sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn huyện được triển khai thực hiện tại 04 xã gồm: Xã Ea Pô, Trúc Sơn, Nam Dong và Đắk Drông. Kết quả xác định ranh giới, diện tích đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt của 04 xã đã được UBND huyện phê duyệt tại các Quyết định sau:

- Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 về việc phê duyệt xác định ranh giới đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt tại xã Ea Pô;

- Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 10/01/2016 về việc phê duyệt xác định ranh giới đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt tại xã Nam Dong;

- Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 về việc phê duyệt xác định ranh giới đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt tại xã Trúc Sơn;

- Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 về việc phê duyệt xác định ranh giới đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt tại xã Đắk Drông.

Diện tích đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt tại 04 xã trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

STT	Xã	Diện tích đất trồng lúa (ha)				
		Tổng số	Diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ			DT đất trồng lúa được phép chuyển mục đích theo quy hoạch
			Tổng số	DT đất chuyên trồng lúa nước cần được bảo vệ nghiêm ngặt	DT đất trồng lúa cần được bảo vệ	
1	Nam Dong	149,8	114,4	60,3	54,1	35,4
	Cánh đồng 30	62	43,8	0	43,8	18,2
	Cánh đồng 82	87,8	70,6	60,3	10,3	17,2
2	Ea Pô	88,4	86,1	45,5	40,6	2,3
	Cánh đồng Thanh Hóa	45,5	45,5	45,5	0	0

STT	Xã	Diện tích đất trồng lúa (ha)				
		Tổng số	Diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ			DT đất trồng lúa được phép chuyển mục đích theo quy hoạch
			Tổng số	DT đất chuyên trồng lúa nước cần được bảo vệ nghiêm ngặt	DT đất trồng lúa cần được bảo vệ	
1	Nam Dong	149,8	114,4	60,3	54,1	35,4
	Cánh đồng buôn Nui	42,9	40,6	0	40,6	2,3
3	Trúc Sơn	56,4	32,8	32,8	0	23,6
	Cánh đồng Trúc Sơn	56,4	32,8	32,8	0	23,6
4	Đắk Drông	607,5	487,5	259,9	227,6	120
	Cánh đồng dưới đập Đắk Diêr	61,8	61,8	27,4	34,4	0
	Cánh đồng Đắk Drông	398,5	292,6	177	115,6	105,9
	Cánh đồng Mát Mẻ	91,7	77,6	0	77,6	14,1
	Cánh đồng thôn 7	55,5	55,5	55,5	0	0
	Tổng	902,1	720,8	398,5	322,3	181,3

Ngày 13/02/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 196/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện, chỉ tiêu sử dụng đất lúa: Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ đến năm 2020 là 3.104,33 ha giảm 3 ha so với diện tích hiện trạng năm 2015. Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước là 1.792,49 ha; diện tích cấp huyện xác định bổ sung đến năm 2020 là 3.037,50 ha giảm 66,83 ha so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

Khi đối chiếu bản đồ quy hoạch đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt với bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 về cơ bản UBND huyện đã cập nhật đầy đủ diện tích đất theo ranh cắm mốc bản đồ quy hoạch đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt lên bản đồ quy hoạch sử dụng đất.

2.2. Việc công khai kết quả xác định ranh giới, diện tích đất chuyên trồng lúa và quản lý hồ sơ ranh giới, diện tích đất chuyên trồng lúa

Qua thanh tra cho thấy, UBND huyện và UBND các xã có diện tích đất chuyên trồng lúa cần được bảo vệ nghiêm ngặt chỉ thực hiện công khai kết quả xác định ranh giới, diện tích đất chuyên trồng lúa cùng với việc công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương; UBND các xã không thực hiện công khai kết quả xác định ranh giới, diện tích đất chuyên trồng lúa tại khu vực diện tích đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt (*không thực hiện cấm biển báo tại khu vực diện tích đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt*).

UBND huyện và UBND các xã có diện tích đất chuyên trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt thực hiện quản lý hồ sơ ranh giới, diện tích đất chuyên trồng lúa chưa đầy đủ, chưa đảm bảo: Tại phòng Tài nguyên và Môi trường huyện chỉ quản lý, lưu giữ các quyết định phê duyệt kết quả xác định ranh giới, diện tích đất chuyên trồng lúa của UBND huyện và biên bản kiểm tra, xác nhận ranh giới, diện tích đất chuyên trồng lúa; không lưu trữ bản đồ xác định ranh giới, diện tích đất chuyên trồng lúa. Tại UBND các xã có diện tích đất chuyên trồng lúa (*UBND xã Trúc Sơn, Nam Đông, Ea Pô và Đắk Drông*) không lưu trữ hồ sơ kết quả xác định ranh giới, diện tích đất chuyên trồng lúa.

Qua làm việc với UBND huyện và xác minh, kiểm tra cho thấy đến thời điểm thanh tra, UBND huyện và UBND các xã chưa được bàn giao hồ sơ xác định ranh giới, diện tích đất chuyên trồng lúa nước được bảo vệ nghiêm ngặt để thực hiện công khai, quản lý hồ sơ theo quy định.

3. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa

3.1. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa

Trong thời kỳ thanh tra, trên địa bàn huyện không có trường hợp thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.

Qua thanh tra cho thấy: UBND huyện chưa lập và ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của cấp huyện theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP, ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP, ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa (*gọi tắt là Nghị định số 62/2019/NĐ-CP*).

UBND các xã có đất trồng lúa trên địa bàn huyện chưa xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa cấp xã; chưa tổ chức lấy ý kiến của hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong việc xác định vùng chuyển đổi; chưa thông báo công khai kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại trụ sở UBND xã theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP.

Việc UBND huyện chưa xây dựng và ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa cấp huyện là do hiện tại UBND tỉnh chưa xác định loại cây trồng hàng năm, cây lâu năm hoặc loại thủy sản phù hợp cho chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại địa phương và chưa có kế hoạch thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa cấp tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP.

Việc UBND các xã có đất trồng lúa trên địa bàn huyện chưa xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa cấp xã; chưa tổ chức lấy ý kiến của hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong việc xác định vùng chuyển đổi là do UBND huyện chưa xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa cấp huyện để UBND cấp xã có cơ sở thực hiện.

3.2. Việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác

3.2.1. Chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép

Theo báo cáo của UBND huyện, hiện chưa xác định diện tích đất trồng lúa còn lại chuyển đổi sang các loại đất khác mà không phải xin phép; diện tích này, chủ yếu là đất trồng lúa nằm xem kẽ thuộc các khe suối hai bên đồi cao do không có nước nên người dân đã tự ý chuyển đổi sang các loại đất khác để thuận lợi cho canh tác. Bên cạnh đó, diện tích đất trồng lúa qua kiểm kê các năm có sự thay đổi là do một số diện tích đất trồng lúa theo kiểm kê năm 2014 xác định ranh giới sử dụng đất chưa đúng có sự nhầm lẫn sang diện tích đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm khác nên kỳ kiểm kê năm 2019 đã điều chỉnh lại ranh giới, do đó đất trồng lúa còn lại có sự biến động sang các loại đất khác.

3.2.2. Việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa phải xin phép

- Trường hợp được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa: Trong thời kỳ thanh tra, trên địa bàn huyện đã tiến hành giao 17,53 ha đất chuyên trồng lúa sang đất thủy lợi để thực hiện các dự án nâng cấp mở rộng hồ thủy lợi, hệ thống kênh mương thủy lợi tại các xã, toàn bộ diện tích đất trên thuộc khu vực chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt; có 01 trường hợp được nhà nước cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước, cụ thể: UBND tỉnh cho Công ty Cổ phần thủy điện miền Trung thuê 599.620,1 m² đất để thực hiện dự án Nhà máy điện mặt trời Cư Jút tại Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 11/12/2018, trong đó có 3,6 ha đất được chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp, đã được thông qua tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2018. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ thu hồi đất của dự án Nhà máy điện mặt trời Cư Jút và bản đồ hiện trạng sử dụng đất các năm 2016 và năm 2017 thì toàn bộ diện tích đất lúa chuyển mục đích sử dụng đất của dự án đều là đất lúa 01 vụ (LUK), không phải là đất chuyên trồng lúa nước (LUC) được nêu tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 14/12/2017. Cụ thể diện tích đất trồng lúa được chuyển mục đích sử dụng đất của dự án Nhà máy điện mặt trời Cư Jút được thu hồi tại các quyết định sau:

+ Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của UBND huyện về việc thu hồi đất thực hiện dự án nhà máy điện mặt trời Cư Jút của Cổ phần thủy điện miền Trung, trong đó thu hồi đất trồng lúa nước (LUK): 20.969,4 m²; không có diện tích đất chuyên trồng lúa nước (LUC) được thu hồi.

+ Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của UBND huyện về việc thu hồi đất thực hiện dự án nhà máy điện mặt trời Cư Jút của Cổ phần thủy điện miền Trung, trong đó thu hồi đất trồng lúa nước (LUK): 15.035,3 m²; không có diện tích đất chuyên trồng lúa nước (LUC) được thu hồi.

+ Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND huyện về việc thu hồi đất thực hiện dự án nhà máy điện mặt trời Cư Jút của Cổ phần thủy điện miền Trung, trong đó thu hồi đất trồng lúa nước (LUK): 2805,3 m²; không có diện tích đất chuyên trồng lúa nước (LUC) được thu hồi.

Như vậy, trong thời kỳ thanh tra, trên địa bàn huyện không có trường hợp được nhà nước cho thuê đất từ đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

- Chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép: Trong thời kỳ thanh tra trên địa bàn huyện có cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa còn lại sang đất ở đô thị với diện tích đất 550 m²; cho phép chuyển mục đích từ đất trồng lúa còn lại sang đất trồng cây lâu năm với diện tích 15.428 m². Qua kiểm tra hồ sơ cho thấy: Hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất. Việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất ở đô thị, UBND huyện căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được UBND tỉnh phê duyệt.

4. Việc tính, thu nghĩa vụ tài chính về đất đai

Trong thời kỳ thanh tra, trên địa bàn huyện không có trường hợp được nhà nước cho thuê đất từ đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp. Do đó, không có hồ sơ tính, thu nghĩa vụ tài chính về đất đai khi được nhà nước cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước.

Qua thanh tra cho thấy, hiện tại UBND tỉnh chưa có quy định mức nộp tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đối với người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP, ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

5. Việc thực hiện quy định về đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCN QSD đất)

Từ năm 2014 đến tháng 9 năm 2020, UBND huyện đã cấp GCN QSD đất cho: 650 hộ, gia đình cá nhân sử dụng đất với diện tích 1.146.939,50 m² đất trồng lúa. Qua kiểm tra ngẫu nhiên một số hồ sơ cấp GCN QSD đất của UBND huyện cho thấy: Việc cấp GCN QSD đất đối với đất trồng lúa được UBND huyện thực hiện tốt về trình tự thủ tục và thành phần hồ sơ, đảm bảo thời gian giải quyết hồ sơ...

Đối với việc gia hạn trường hợp sử dụng đất trồng lúa đã hết thời hạn sử dụng theo quy định tại Điều 210 Luật Đất đai năm 2013, Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014: Theo Báo cáo của UBND huyện trong thời kỳ

thanh tra không có trường hợp gia hạn quyền sử dụng đất theo quy định nêu trên.

Việc trao GCN QSD đất cho người sử dụng đất trồng lúa được cấp GCN QSD đất: Đã được trao hoàn toàn 100% cho người sử dụng đất trồng lúa.

6. Việc thực hiện chuyển quyền sử dụng đất

Qua kiểm tra một số hồ sơ thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất đối với đất trồng lúa trên địa bàn huyện (*hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với đất lúa*), cho thấy: Các hồ sơ được kiểm tra đều thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định; hồ sơ có xác nhận của UBND cấp xã đối với người nhận chuyển quyền sử dụng đất trồng lúa trực tiếp sản xuất nông nghiệp, đảm bảo điều kiện nhận chuyển quyền sử dụng đất trồng lúa quy định tại khoản 3 Điều 191 của Luật Đất đai năm 2013.

7. Việc chấp hành pháp luật đất đai của người sử dụng đất trồng lúa

Đoàn Thanh tra số 1417 tiến hành kiểm tra thực địa cho thấy, có một số trường hợp người sử dụng đất trồng lúa trong ranh giới, diện tích đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt đã tự ý chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tự ý chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang mục đích sử dụng đất khác, cụ thể:

- Tiếp giáp với thửa đất số 572, tờ bản đồ số 6 địa chỉ xã Trúc Sơn, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông do ông Nguyễn Xuân Hòa đang sử dụng, chưa được cấp GCN QSD đất, hiện trạng đã được san lấp với diện tích khoảng 2.200 m² vào năm 2014 - 2015, trên đất trồng khoảng 100 cây mít và trồng bắp;

- Thửa đất do ông Nguyễn Đình Sâm đang sử dụng, địa chỉ Thôn 1, xã Trúc Sơn, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông chưa được cấp GCN QSD đất, hiện trạng đã được san lấp với diện tích khoảng 500 m² vào năm 2018, trên đất trồng bắp và cây ăn trái;

Qua đối chiếu trên bản đồ quy hoạch đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt với bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện đến năm 2020 phê duyệt tại Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 và bản đồ kế hoạch sử dụng đất huyện năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt cho thấy: UBND xã Trúc Sơn, UBND huyện chưa giám sát, kiểm tra chặt chẽ ranh giới khu vực đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt để xảy ra tình trạng san lấp mặt bằng, tự ý chuyển đổi cơ cấu cây trồng không thực hiện theo các quy định về điều kiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo quy định tại Điều 1¹ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP;

¹ 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Điều kiện chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản:

a) Không làm mất đi các điều kiện phù hợp để trồng lúa trở lại; không gây ô nhiễm, thoái hóa đất trồng lúa; không làm hư hỏng công trình giao thông, công trình thủy lợi phục vụ trồng lúa;

b) Phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa của cấp xã (sau đây gọi là kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa), đảm bảo công khai, minh bạch;

có 02 chủ sử dụng đất gồm ông Nguyễn Xuân Hòa và ông Nguyễn Đình Sâm tự ý chuyển mục đích sử dụng đất khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép quy định tại điểm a² khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai năm 2013.

II. Kết luận

1. Ưu điểm

Qua kết quả thanh tra, cho thấy đối với công tác quản lý nhà nước về đất trồng lúa, UBND huyện đã thực hiện tốt.

UBND huyện đã thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó có quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa.

Đã thực hiện xác định, phê duyệt và công khai kết quả xác định ranh giới, diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện.

Đã có nhiều cố gắng trong công tác cấp GCN QSD đất trồng lúa cho người sử dụng đất, trao GCN QSD đất cho chủ sử dụng đất; công tác chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện đúng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Qua đó, đã đưa công tác quản lý nhà nước về đất đai trong đó có đất trồng lúa đi vào nề nếp, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị.

2. Hạn chế

Qua kết quả thanh tra cho thấy công tác quản lý, sử dụng đất trồng lúa còn có những hạn chế, tồn tại, cụ thể:

2.1. Những tồn tại về chính sách quản lý đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh

- UBND tỉnh chưa có quy định mức nộp tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đối với người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP, ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- UBND tỉnh chưa có quy định xác định loại cây trồng hàng năm, cây lâu năm hoặc loại thủy sản phù hợp cho chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại địa phương theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP.

- Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) chưa xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP.

c) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây lâu năm phải theo vùng, để hình thành các vùng sản xuất tập trung và khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng sẵn có; phù hợp với định hướng hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp của địa phương;

² Điều 57. Chuyển mục đích sử dụng đất

1. Các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm:

a) Chuyển đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm, đất trồng rừng, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối

2.2. Những tồn tại, hạn chế về quản lý đất trồng lúa của UBND huyện

- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện chưa thực hiện công khai bản đồ ranh giới, diện tích đất trồng lúa của địa phương tại trụ sở làm việc theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT, ngày 21/4/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa; chưa thực hiện quản lý hồ sơ ranh giới, diện tích đất trồng lúa đầy đủ theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT, ngày 21/4/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa; trách nhiệm thuộc về Lãnh đạo phòng Tài nguyên và Môi trường huyện giai đoạn 2016 - 2020.

- UBND huyện chưa lập và ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của cấp huyện theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP; trách nhiệm thuộc về Lãnh đạo UBND huyện, phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện giai đoạn từ ngày 01/9/2019 đến thời điểm thanh tra.

- Mặc dù UBND huyện đã chỉ đạo kiểm tra, giám sát và xử lý những sai phạm trong sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan, trên địa bàn huyện vẫn có trường hợp người sử dụng đất vi phạm chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tự ý chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang mục đích sử dụng đất khác trong ranh giới, diện tích đất chuyên trồng lúa nước được bảo vệ nghiêm ngặt chưa được phát hiện, xử lý như đã nêu trên; cụ thể 02 chủ sử dụng đất gồm ông Nguyễn Xuân Hòa và ông Nguyễn Đình Sâm tự ý chuyển mục đích sử dụng đất khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép quy định tại điểm a khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai năm 2013, bị xử phạt vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/01/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Trách nhiệm thuộc về Lãnh đạo UBND huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện giai đoạn 2015 - 2020.

2.3. Những tồn tại, hạn chế về quản lý đất trồng lúa của UBND các xã trên địa bàn huyện

- UBND các xã có đất trồng lúa trên địa bàn huyện chưa xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa cấp xã; chưa tổ chức lấy ý kiến của hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong việc xác định vùng chuyển đổi; chưa thông báo công khai kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại trụ sở UBND xã theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP; trách nhiệm thuộc về Lãnh đạo UBND các xã giai đoạn từ ngày 01/9/2019 đến thời điểm thanh tra.

- UBND các xã: Trúc Sơn, Nam Dong, Eapo và Đák Drông không thực hiện cắm biển báo tại khu vực diện tích đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT, ngày 21/4/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa; không quản lý hồ sơ ranh giới, diện tích đất trồng lúa đầy đủ theo quy định tại Điều 8 của

Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT, ngày 21/4/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa; trách nhiệm thuộc về Lãnh đạo UBND xã: Trúc Sơn, Nam Dong, Ea Pô và Đăk Drông giai đoạn 2016 - 2020.

- Để xảy ra tình trạng người sử dụng đất vi phạm chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tự ý chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang mục đích sử dụng đất khác trong ranh giới, diện tích đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt như đã nêu trên, trách nhiệm thuộc về Lãnh đạo UBND xã Trúc Sơn và công chức địa chính xã Trúc Sơn giai đoạn 2015 - 2020.

IV. Kiến nghị

Từ kết luận thanh tra việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa của UBND huyện Cư Jút, Sở Tài nguyên và Môi trường kiến nghị những nội dung sau:

1. Kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo

- Sở Tài chính chủ trì, tham mưu UBND tỉnh quy định mức nộp tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đối với người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP, ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, tham mưu UBND tỉnh quy định loại cây trồng hàng năm, cây lâu năm hoặc loại thủy sản phù hợp cho chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại địa phương theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thực hiện bàn giao hồ sơ ranh giới, diện tích đất trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt trên địa bàn huyện Cư Jút cho UBND huyện và UBND các xã: Trúc Sơn, Nam Dong, Ea Pô và Đăk Drông để thực hiện công khai, quản lý hồ sơ theo quy định.

3. UBND huyện Cư Jút

- Lập và ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của cấp huyện theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP.

- Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện công khai bản đồ ranh giới, diện tích đất trồng lúa của địa phương tại trụ sở làm việc; thực hiện quản lý hồ sơ ranh giới, diện tích đất trồng lúa đầy đủ theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT, ngày 21/4/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa.

- Chỉ đạo UBND các xã có đất trồng lúa trên địa bàn: Xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa cấp xã; tổ chức lấy ý kiến của hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong việc xác định vùng chuyển đổi; thông báo công khai kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại trụ sở UBND xã theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP; thường xuyên kiểm tra, xử lý những sai phạm đối với người sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn.

- Cần nâng cao công tác quản lý nhà nước về ranh giới đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt; chỉ đạo xử lý vi phạm vi phạm hành chính đối với 02 cá nhân ông Nguyễn Xuân Hòa và ông Nguyễn Đình Sâm đã tự ý chuyển mục đích sử dụng đất khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép quy định tại điểm a khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai năm 2013, bị xử phạt vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/01/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về việc chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan có thẩm quyền nhưng phải đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo quy định.

- Xem xét, xử lý trách nhiệm, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quản lý, sử dụng đất trồng lúa đã nêu ở phần kết luận.

4. Yêu cầu UBND các xã: Trúc Sơn, Nam Dong, Ea Pô và Đăk Drông

- Cấm biển báo tại khu vực diện tích đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT, ngày 21/4/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa; quản lý hồ sơ ranh giới, diện tích đất trồng lúa đầy đủ theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT, ngày 21/4/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa.

- Rà soát, kiểm tra, xử lý đối với các trường hợp người sử dụng đất vi phạm chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tự ý chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang mục đích sử dụng đất khác trong ranh giới, diện tích đất chuyên trồng lúa nước được bảo vệ nghiêm ngặt như đã nêu ở phần kết luận.

Trên đây là kết luận thanh tra việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa đối với UBND huyện Cư Jút của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Cư Jút;
- GD Sở, các PGD Sở;
- Thanh tra tỉnh (để biết);
- Trang Thông tin điện tử của Sở;
- Lưu: VT, ĐTTr, TTr

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Chí Trung